

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 49 /2020/DS-ST
Ngày 25-11-2020
“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần N; địa chỉ: 198 Q, quận H, thành phố Hà Nội;

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hồ Trung A; địa chỉ: 33 Q, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nhữ Xuân H; địa chỉ: Thôn M, xã K, Huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Hồ Trung Ân trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần N thông qua Chi nhánh Gia Lai (Ngân hàng) có cho ông Nhữ Xuân H vay tiền theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4706/18/CT/NHNT và Giấy nhận nợ số 01/4706/18/CT/NHNT ngày 11-9-2018, số tiền vay là 860.000.000 đồng, mục đích vay là để làm kinh tế gia đình (mua bán nông sản), thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay, lãi suất 9,3%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nhữ Xuân H mới trả lãi cho Ngân hàng đến ngày 26-01-2019 với số tiền là 30.458.137 đồng, sau đó không tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng. Đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thông báo yêu cầu ông H trả nợ nhiều lần nhưng ông H vẫn chưa trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh nên ngày 11-8-2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Từ ngày 26-01-2020 đến ngày 03-11-2020, ông H đã trả được số tiền nợ gốc tổng cộng là 208.340.153 đồng, còn nợ lại số tiền nợ gốc là 651.659.865 đồng.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên, giữa Ngân hàng với ông Nhữ Xuân H có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/11A/NHNT ngày 04-11-2016 được ký giữa Ngân hàng với ông Nhữ Xuân H. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 98, diện tích 12.091m², tại làng C, xã B, Huyện G, tỉnh Gia Lai; được Ủy ban nhân dân Huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 275008 ngày 20-9-2009, mang tên hộ ông Rơ Châm A và bà Ksor B, đã chuyển nhượng cho ông Nhữ Xuân H ngày 03-11-2016.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 95, diện tích 23.481m², tại làng C, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai; được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 275455 ngày 18-11-2009, mang tên hộ ông Rơ Mah N và bà Siu B, đã chuyển nhượng cho ông Nhữ Xuân H ngày 02-11-2016.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nhữ Xuân H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 25-11-2020 là 827.240.854 đồng, trong đó tiền nợ gốc 651.659.865 đồng, tiền lãi trong hạn là 144.973.414 đồng và tiền lãi quá hạn là 30.607.575 đồng và toàn bộ số lãi phát sinh cho đến ngày ông Nhữ Xuân H trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp ông Nhữ Xuân H không trả đủ số tiền nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn ông Nhữ Xuân H đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Nhữ Xuân H cố tình trốn tránh và không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Nhữ Xuân H.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 giấy ủy quyền số 91/UQ-NHNT.GL ngày 24-3-2020; 01 giấy ủy quyền số 87/UQ-VCB-PC ngày 01/4/2020 (bản phô tô); 01 thông báo về việc cHèn nợ quá hạn số 01/TBQH (bản phô tô); 01 thông báo về việc cHèn nợ quá hạn số 02/TBQH (bản phô tô); 01 hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4706/18/CT/NHNT (bản sao); 01 (một) biên bản định giá tài sản số 01/2016/NHNT (bản sao); 01 biên bản giao nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản (bản sao); 01 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/11A/NHNT (bản sao); 01 giấy nhận nợ số 01/4706/18/CT/NHNT (bản sao); 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (bản phô tô); 01 chứng minh nhân dân Nhữ Xuân H (bản phô tô); 01 sổ hộ khẩu (bản phô tô); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 275008 (bản phô tô); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 275455 (bản phô tô); 03 bảng kê tính tiền lãi; 01 biên bản giao nhận ngày 03-6-2020; 01 Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14-7-2020; 01 Biên bản xác minh ngày 20-8-2020; 01 danh sách chi tiền xem xét, thẩm định tại chỗ; 02 bản photo Đơn đề nghị ngày 12-5-2020 của ông Nhữ Xuân H.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn là ông Nhữ Xuân H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn

cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn là ông Nhữ Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4706/18/CT/NHNT ngày 11-9-2018 giữa nguyên đơn với ông Nhữ Xuân H được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Nhữ Xuân H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu họ phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ Luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N, buộc bị đơn là ông Nhữ Xuân H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 25-11-2020 là 827.240.854 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 651.659.865 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 144.973.414 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 30.607.575 đồng và toàn bộ số lãi phát sinh cho đến ngày ông Nhữ Xuân H trả hết nợ cho Ngân hàng.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với bị đơn ông Nhữ Xuân H có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/11A/NHNT ngày 04-11-2016, đối với tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 98, diện tích 12.091m², tại làng C, xã B, Huyện G, tỉnh Gia Lai; được Ủy ban nhân dân Huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 275008 ngày 20-9-2009, mang tên hộ ông Rơ Châm A và bà Ksor B, đã chuyển nhượng cho ông Nhữ Xuân H ngày 03-11-2016.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 95, diện tích 23.481m², tại làng C, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai; được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 275455 ngày 18-11-2009, mang tên hộ ông Rơ Mah N và bà Siu B, đã chuyển nhượng cho ông Nhữ Xuân H ngày 02-11-2016.

Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem

xét và thẩm định tại chỗ ngày 14-7-2020 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, ông Nhữ Xuân H là người phải chịu nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Nhữ Xuân H phải hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn ông Nhữ Xuân H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần nghĩa vụ trả nợ là 36.817.226 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

2. Buộc ông Nhữ Xuân H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền nợ tính đến ngày 25-11-2020 là 827.240.854 đồng (tám trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm năm mươi bốn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 651.659.865 đồng (sáu trăm năm mươi một triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 144.973.414 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm mười bốn đồng), tiền nợ lãi quá hạn là 30.607.575 đồng (ba mươi triệu sáu trăm linh bảy nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) và toàn bộ số lãi phát sinh cho đến ngày ông Nhữ Xuân H trả hết nợ cho Ngân hàng.

3. Trong trường hợp ông Nhữ Xuân H không trả đủ số tiền nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N thì Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/11A/NHNT ngày 04-11-2016. Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 98, diện tích 12.091m², tại làng C, xã B, Huyện G, tỉnh Gia Lai; được Ủy ban nhân dân Huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 275008 ngày 20-9-2009, mang tên hộ ông Rơ Châm A và bà Ksor B, đã chuyển nhượng cho ông Nhữ Xuân H ngày 03-11-2016.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 95, diện tích 23.481m², tại làng C, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai; được Ủy ban

nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 275455 ngày 18-11-2009, mang tên hộ ông Rơ Mah N và bà Siu B, đã chuyển nhượng cho ông Nhữ Xuân H ngày 02-11-2016.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nhữ Xuân H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với phần nghĩa vụ của mình theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Buộc ông Nhữ Xuân H phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Nhữ Xuân H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.817.226 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm mười bảy nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng); Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.476.531 đồng (hai mươi triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi một đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005957 ngày 09-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện G;
- Chi cục THADS Huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính